ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 398 /BC-UBND	*Tháp Mười, ngày 30 tháng 01 năm 2024*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công vụ của cán bộ, công chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công cho cá nhân, tổ chức giai đoạn từ ngày 15/6/2021 đến ngày 30/11/2023

Kính gửi: Đoàn Thanh tra (theo Quyết định 129/QĐ-ĐTTr của Thanh tra tỉnh Đồng Tháp)

Thực hiện Công văn số 06/CV-ĐTTr ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Đoàn Thanh tra theo Quyết số 129/QĐ-ĐTTr của Thanh tra tỉnh Đồng Tháp về việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác thanh tra, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

- UBND huyện thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn của UBND huyện được quy định tại Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành chức năng nhiệm vụ của 12 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện *(có bản phô tô chức năng, nhiệm vụ kèm theo).*

- Việc bố trí phân công phụ trách giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công được thực hiện đúng quy định. Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện, bố trí nhân viên Bưu điện huyện đảm nhận việc hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với 13/14 lĩnh vực (còn lĩnh vực đất đai chưa chuyển giao) đúng theo Quyết định số 1148/QĐ-UBND-HC ngày 20/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; đối với cấp xã bố trí công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã là công chức thuộc các chức danh công chức cấp xã *(huyện có 13/13 xã, thị trấn bố trí công chức Văn phòng-Thống kê phụ trách tiếp nhận và trả kết quả).*

- Các văn bản pháp luật áp dụng để thực hiện liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công:

+ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

+ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

+ Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

+ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

+ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

+ Quyết định số 1148/QĐ-UBND-HC ngày 20/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao cho Bưu điện tỉnh Đồng Tháp đảm nhận việc hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và Quyết định 143/QĐ-UBND-HC ngày 03/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý việc giao cho Bưu điện tỉnh Đồng Tháp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

+ Các Quyết định của UBND tỉnh công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện và cấp xã.

2. Kết quả xếp hạng cải cách hành chính từ năm 2021 đến năm 2023

Công tác cải cách hành chính từng bước đi vào chiều sâu, tạo ra những chuyển biến tích cực góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc việc công khai, minh bạch các thông tin người dân cần biết và được biết theo đúng quy định, nâng cao chất lượng phục vụ hành chính của huyện, mang đến sự thỏa mãn, hài lòng cho công dân, tổ chức. Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của huyện trong những năm qua có nhiều cải thiện, đây là kết quả đáng khích lệ trong thực hiện cải cách hành chính của huyện[1].

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN *(kèm biểu tổng hợp)*

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước về việc thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công cho cá nhân, tổ chức

1.1. Việc tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2030, tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai nhiều giải pháp quan trọng và rà soát, tháo gỡ những khó khăn trong công tác CCHC, nhằm thực hiện hiệu quả các nội dung Kế hoạch

[1] Năm 2021 chỉ số PAR Index hạng 6, chỉ số SIPAS hạng 1; năm 2022, chỉ số PAR Index hạng 4, chỉ số SIPAS hạng 3, năm 2023 tỉnh đang thẩm định.

CCHC của huyện đề ra. Trong những năm qua, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính với các mục tiêu cụ thể, xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp,thời gian hoàn thành và bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện; cùng với đó, Ủy ban nhân dân huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính huyện giai đoạn 2021-2030, quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, thành lập các Tổ giúp việc Ban chỉ đạo, Tổ nghiên cứu chuyên sâu về nội dung của các Chỉ số PCI, DDCI để tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trong thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính[2].

UBND huyện thường xuyên rà soát, chấn chỉnh việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân, hạn chế tình trạng hồ sơ trễ hạn, quá hạn; tập trung chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương công vụ, tinh thần, thái độ phục vụ của công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính. Thực hiện đầy đủ quy trình giải quyết hồ sơ trên phần mềm Một cửa điện tử; cập nhật kịp thời và đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử huyện cũng như bảng niêm yết công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm việc gửi thư xin lỗi trong giải quyết TTHC theo quy định.

1.2. Việc rà soát, bổ sung TTHC

- Việc kiểm soát, kiến nghị hoặc ban hành theo thẩm quyền để loại bỏ hoặc chỉnh sửa TTHC không phù hợp, phức tạp, phiền hà; bổ sung thủ tục hành chính cần thiết, đáp ứng nhu cầu thực tế được Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo thực hiện. Hàng năm, UBND huyện đều ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC[3], chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiến hành rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo nội dung kế hoạch đã đề ra; đồng thời xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm đối với các cơ quan, đơn vị trong việc xây dựng văn bản triển khai

---

[2] Kế hoạch số 10763/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND huyện về ban hành Kế hoạch CCHC huyện Tháp Mười giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 11593/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện về ban hành Kế hoạch thực hiện các mô hình cải cách hành chính với mục tiêu xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ Nhân dân giai đoạn 2021 – 2026; Kế hoạch số 11970/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về CCHC huyện Tháp Mười năm 2022; Kế hoạch số 318/KH-UBND ngày 20/01/2022 của UBND huyện về kiểm tra công tác cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022; Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND huyện về việc thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính huyện Tháp Mười giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 4016/QĐ-BCĐ ngày 07/7/2022 của BCĐ CCHC huyện về ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính huyện Tháp Mười, giai đoạn 2021 – 2030; Quyết định số 4959/QĐ-BCĐ ngày 17/8/2022 của BCĐ CCHC huyện về thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính huyện Tháp Mười giai đoạn 2021 – 2030; Quyết định số 5259/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND huyện Tháp Mười về việc thành lập Tổ nghiên cứu chuyên sâu về nội dung của các Chỉ số PCI, DDCI trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 562/KH-UBND ngày 28/1/2022 của UBND huyện phát động phong trào thi đua nâng cao cải cách hành chính huyện Tháp Mười năm 2022; Kế hoạch số 568/KH-UBND ngày 28/01/2022 của UBND huyện về phát động thi đua đơn vị có giải pháp, sáng kiến trong công tác cải cách hành chính của huyện Tháp Mười năm 2022; Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 06/01/2023 của UBND huyện về cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 544/KH-UBND ngày 1901/2023 của UBND huyện về kiểm tra công tác CCHC và kiểm soát công tác CCHC năm 2023; Kế hoạch số 1954/KH-UBND ngày 20/03/2023 của UBND huyện phát động phong trào thi đua đẩy mạnh công tác cải cách hành chính huyện Tháp Mười năm 2023.

[3] Kế hoạch số 2079/KH-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021, Kế hoạch số 319/KH-UBND ngày 20/01/2022 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022, Kế hoạch số 654/KH-UBND ngày 31/01/2023 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023; Công văn số 2504/UBND-NV ngày 06/4/2023 về việc điều chỉnh nội dung rà soát rà soát đánh giá thủ tục hành chính năm 2023.

thực hiện nhiệm vụ, kiểm soát việc thực hiện công bố thủ tục hành chính, rà soát các quy định hành chính, đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính. Các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn thường xuyên rà soát, cập nhật TTHC, kịp thời đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ các TTHC.

- Trong 3 năm (2021-2023) triển khai thực hiện công tác rà soát TTHC, huyện đã đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

+ Năm 2021: Tổng số thủ tục hành chính cấp huyện là 295 thủ tục, cấp xã là 155 thủ tục; đã rà soát tổng số 286 thủ tục hành chính (trong đó: cấp huyện 131 thủ tục, cấp xã 85). Kết quả, số thủ tục hành chính kiến nghị giữ nguyên cấp huyện là 131, cấp xã là 78; số thủ tục hành chính kiến nghị đơn giản hóa là 07 thủ tục hành chính cấp xã, tỷ lệ 4,51%. Tổng chi phí tiết kiệm dự kiến sau đơn giản hóa là 545.623.750 đồng.

+ Năm 2022: Tổng số thủ tục hành chính cấp huyện là 360 thủ tục, cấp xã là 156 thủ tục; đã rà soát tổng số 256 thủ tục hành chính (trong đó: cấp huyện 207 thủ tục, cấp xã 49). Kết quả, số thủ tục hành chính kiến nghị giữ nguyên cấp huyện là 187, cấp xã là 33; số thủ tục hành chính kiến nghị đơn giản hóa cấp huyện là 20 thủ tục hành chính, đạt tỷ lệ 5,55%; cấp xã là 16 thủ tục hành chính, đạt tỷ lệ 10,25%. Tổng chi phí tiết kiệm dự kiến sau đơn giản hóa là 3.506.841.387 đồng.

+ Năm 2023: UBND huyện rà soát, đơn giản hóa TTHC đối với 05 lĩnh vực theo Kế hoạch tỉnh giao. Kết quả:

Lĩnh vực Nội vụ: Cấp huyện: Tổng số thủ tục hành chính cấp huyện là 39 thủ tục, trong đó số thủ tục hành chính kiến nghị giữ nguyên cấp huyện là 27, số thủ tục hành chính kiến nghị đơn giản hóa là 12 thủ tục, chiếm tỉ lệ 30,76%. Cấp xã: Tổng số thủ tục hành chính cấp xã là 15 thủ tục, trong đó số thủ tục hành chính kiến nghị giữ nguyên cấp xã là 09, số thủ tục hành chính kiến nghị đơn giản hóa là 06 thủ tục, chiếm tỉ lệ 40%.

Lĩnh vực Lao động-Thương binh và Xã hội: Cấp huyện: Tổng số thủ tục hành chính cấp huyện là 43 thủ tục, trong đó số thủ tục hành chính kiến nghị giữ nguyên cấp huyện là 29, số thủ tục hành chính kiến nghị đơn giản hóa là 14 thủ tục, chiếm tỉ lệ 32,5%. Cấp xã: Tổng số thủ tục hành chính cấp xã là 51 thủ tục, trong đó số thủ tục hành chính kiến nghị giữ nguyên cấp xã là 33, số thủ tục hành chính kiến nghị đơn giản hóa là 18 thủ tục, chiếm tỉ lệ 35,29%.

Lĩnh vực Giáo dục-Đào tạo: Cấp huyện: Tổng số thủ tục hành chính cấp huyện là 28 thủ tục, trong đó số thủ tục hành chính kiến nghị giữ nguyên cấp huyện là 19, số thủ tục hành chính kiến nghị đơn giản hóa là 9 thủ tục, chiếm tỉ lệ 32,14%. Cấp xã: Tổng số thủ tục hành chính cấp xã là 05 thủ tục, trong đó số thủ tục hành chính kiến nghị giữ nguyên cấp xã là 02, số thủ tục hành chính kiến nghị đơn giản hóa là 03 thủ tục, chiếm tỉ lệ 60%.

Lĩnh vực Xây dựng: Tổng số thủ tục hành chính lĩnh vực Xây dựng cấp huyện là 09 thủ tục, trong đó số thủ tục hành chính kiến nghị giữ nguyên cấp

huyện là 06, số thủ tục hành chính kiến nghị đơn giản hóa là 03 thủ tục, chiếm tỉ lệ 33,33%.

Lĩnh vực Tài chính: Tổng số thủ tục hành chính lĩnh vực Tài chính cấp huyện là 15 thủ tục, trong đó số thủ tục hành chính kiến nghị giữ nguyên cấp huyện là 10, số thủ tục hành chính kiến nghị đơn giản hóa là 5 thủ tục, chiếm tỉ lệ 33,33%.

Tổng chi phí tiết kiệm dự kiến sau đơn giản hóa năm 2023 là 1.782.737.850 đồng.

1.3. Việc tổ chức vận hành bộ phận một cửa và việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định

UBND huyện tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Bộ phận một cửa huyện và các xã, thị trấn thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ; thực hiện tốt quy trình thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của tỉnh. TTHC đều được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa huyện và cấp xã, được cập nhật và lưu trữ vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Đồng Tháp, giúp công tác quản lý thông tin hồ sơ được chặt chẽ. Công chức, viên chức, nhân viên bưu điện tại Bộ phận Một cửa khi giao tiếp với công dân, tổ chức đều thể hiện thái độ đúng mực, tận tình hướng dẫn công dân, tổ chức, thực hiện các thủ tục hành chính đúng theo quy định.

1.4. Việc công bố, công khai TTHC theo quy định; việc thực hiện công khai, minh bạch quá trình giải quyết; việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết TTHC:

Hiện nay, số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với cấp huyện là 298 thủ tục *(số TTHC được cung cấp trực tuyến là 215 thủ tục)*; số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã là 160 thủ tục *(số TTHC được cung cấp trực tuyến là 122 thủ tục)*. 100% TTHC được cập nhật kịp thời và công khai đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện và trên Trang thông tin điện tử huyện, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.

UBND huyện tập trung chỉ đạo các ngành huyện, UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh số hóa kết quả giải quyết TTHC theo Công văn số 46/UBND-KSTTHC ngày 29/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đính kèm hồ sơ, kết quả điện tử, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC. Các ngành chuyên môn huyện, UBND các xã, thị trấn đều thực hiện TTHC, luân chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

Đồng Tháp, thực hiện tốt việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, kết nối, chia sẽ dữ liệu phục vụ giải quyết TTHC.

1.5. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện TTHC được phát huy hiệu quả, nhất là sử dụng tốt Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Đồng Tháp, Cổng dịch vụ công quốc gia trong thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân. Phát huy tốt Trang thông tin điện tử của huyện tại địa chỉ (https://thapmuoi.dongthap.gov.vn/) trong việc công khai TTHC, kết quả thực hiện TTHC. Qua đó, các tổ chức, doanh nghiệp, công dân nắm thông tin, thực hiện và giám sát việc thực hiện TTHC.

Đẩy mạnh thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng thông tin dịch vụ công tỉnh Đồng Tháp, huyện đã cung cấp 215/215 TTHC, đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ hồ sơ thực hiện dịch vụ công trực tuyến tăng dần qua các năm, năm 2021: cấp huyện đạt 41,8%, cấp xã đạt 1,64%; năm 2022: cấp huyện đạt 50,43%, cấp xã đạt 34,83%; năm 2023: cấp huyện đạt 82,82%, cấp xã đạt 69,9%.

Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được tập trung chỉ đạo thực hiện, từng bước nâng cao kết quả. Thực hiện Quyết định số 191/QĐ-UBND-HC ngày 03/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2021-2025; UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3233/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 về ban hành Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Uỷ ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn huyện Tháp Mười, giai đoạn 2021 – 2025; Công văn số 4514/UBND-NV ngày 29/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc khắc phục hạn chế qua kiểm tra của Đoàn kiểm tra cải cách hành chính tỉnh và thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực và Kế hoạch số 5445/KH-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện phát động phong trào thi đua chuyên đề thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Qua đó các ngành huyện, UBND các xã, thị trấn đang đẩy mạnh việc thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC, số lượng hồ sơ số hóa ngày càng tăng lên. Kết quả, số hóa TTHC còn hiệu lực cấp huyện là 8.981/13.978 hồ sơ, đạt 60% hồ sơ; cấp xã là 32.703/37.629 hồ sơ, đạt 86,9%. Năm 2023, số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện đạt 75%, cấp xã đạt 52%.

1.6. Việc kiểm tra, đôn đốc, xử lý đối với cán bộ, công chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho cá nhân, tổ chức.

Hàng năm, UBND huyện đều ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính và triển khai thực hiện công tác kiểm tra cải cách hành chính tại 13 xã, thị trấn và các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện, đảm bảo theo yêu cầu kế hoạch đề ra. Trong giai đoạn (năm 2021 đến tháng 11/2023), UBND huyện đã tổ chức 03 đợt kiểm tra với 68 đơn vị được

kiểm tra; bên cạnh đó Ủy ban nhân dân huyện cũng chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác kiểm tra nội bộ để kịp thời chấn chỉnh các hạn chế, thiếu sót trong thực hiện nhiệm vụ CCHC. Tiếp tục thực hiện kiểm tra việc chấp hành giờ giấc làm việc hành chính tại các cơ quan, đơn vị theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND huyện. Chỉ đạo Phòng Nội vụ huyện thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC tại các xã, thị trấn đối với việc thực hiện nội dung trọng tâm trong công tác CCHC. Ngoài ra, trên cơ sở các kết luận qua kiểm tra của tỉnh, UBND huyện đã chỉ đạo các ngành chuyên môn, UBND các xã, thị trấn căn cứ kết quả kiểm tra của tỉnh, tự rà soát, kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục các hạn chế, khuyết điểm tại cơ quan, đơn vị. Trong giai đoạn từ tháng 6/2021 đến 30/11/2023, trên địa bàn huyện có 01 cá nhân sai phạm trong giải quyết TTHC dẫn đến xử lý kỷ luật với hình thức khiển trách[4].

2. Việc giải quyết thủ tục hành chính

2.1. Tổng hợp số liệu, tình hình tiếp nhận, giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức:

- Tổng hợp số liệu, tình hình tiếp nhận, giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC cho cá nhân, tổ chức trong thời kỳ thanh tra:

2.1.1. Cấp huyện: Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 11.193 hồ sơ, số tiếp nhận trước 15/6/2021 chuyển qua: 266 hồ sơ, số tiếp nhận trong kỳ: 10.927 hồ sơ; tổng số hồ sơ đã giải quyết là 10.310 hồ sơ, trong đó giải quyết trước hạn là 8.504 hồ sơ, đúng hạn là 1.559 hồ sơ, trễ hạn là 247 hồ sơ (hồ sơ trễ hạn trên phần mềm năm 2021 là 209 hồ sơ, năm 2022 là 26 hồ sơ, năm 2023 là 12 hồ sơ, các hồ sơ trễ hạn chủ yếu trên phần mềm năm 2021, do bước đầu thực hiện trên phần mềm mới nên cũng còn lỗi trên phần mềm và cán bộ, công chức, viên chức chưa nắm hết thao tác trên phần mềm nên xử lý chuyển hồ sơ trên phần mềm chưa tốt dẫn đến treo hồ sơ hoặc quá hạn; hồ sơ trả thực tế trên giấy trễ hạn 01 hồ sơ[5]; năm 2022-2023, các ngành huyện đã chấn chỉnh hạn chế, CBCCVC tuân thủ quy trình luân chuyển hồ sơ trên phần mềm, từ đó hồ sơ trễ hạn, quá hạn trên phần mềm đã giảm nhiều so với năm 2021); hồ sơ đang giải quyết là 103 hồ sơ, trong hạn là 103 hồ sơ; số hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, rút hồ sơ là 780 hồ sơ do không đủ điều kiện giải quyết.

Cụ thể của 247 hồ sơ trễ hạn và 780 hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, rút hồ sơ (hồ sơ không đủ điều kiện 715 hồ sơ, rút hồ sơ 64, bổ sung hồ sơ 01):

- Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Trễ hạn 02; từ chối giải quyết 18 do không đủ điều kiện giải quyết; rút hồ sơ 03.

+ Từ chối giải quyết trên phần mềm (nộp hồ sơ trực tuyến) 16 hồ sơ; từ chối giải quyết (nhận trực tiếp) 02 hồ sơ có văn bản.

+ Rút hồ sơ 03. Lý do: Do hồ sơ gửi 02 lần, bị trùng hồ sơ.

---

[4] Bà Dương Thị Ngọc Nhỏ, Công chức Văn phòng-Thống kê UBND xã Thạnh Lợi.

[5] 01 Hồ sơ trong quá trình thụ lý công chức nhiễm Covid-19 phải thực hiện cách ly theo quy định, trường hợp này đã có thư xin lỗi.

+ Có 02 hồ sơ trễ hạn với lý do: Hệ thống phần mềm bị lỗi phải bảo trì (01 hồ sơ trễ hẹn tiếp nhận vào lúc 15 giờ 06 phút ngày 21/6/2022 trả kết quả vào lúc 15 giờ 15 phút ngày 22/6/2022; 01 hồ sơ trễ hẹn tiếp nhận vào lúc 08 giờ 31 phút ngày 24/11/2021 trả kết quả vào lúc 08 giờ 45 ngày 25/11/2021).

- Lĩnh vực Kinh tế và Hạ tầng: Trễ hạn 03; từ chối giải quyết 102 do không đủ điều kiện giải quyết; rút hồ sơ 25; chờ bổ sung hồ sơ 01.

+ Từ chối giải quyết trên phần mềm (trực tuyến) 01 hồ sơ; từ chối giải quyết bằng văn bản 101 hồ sơ.

+ Rút hồ sơ 25, lý do: Chủ hồ sơ yêu cầu rút hồ sơ.

+ Chờ bổ sung hồ sơ 01.

+ Hồ sơ trễ hạn 03, cụ thể: 01 Hồ sơ trong quá trình thụ lý công chức nhiễm Covid-19 phải thực hiện cách ly theo quy định, do đó chưa kịp thời bàn giao hồ sơ lại cho đơn vị thụ lý hồ sơ, trường hợp này đã có thư xin lỗi (bà Nguyễn Thị Ái Ngọc, công chức chuyên môn thực hiện). 02 hồ sơ trễ hẹn do phần mềm một cửa thiếu chức năng gia hạn hồ sơ.

- Lĩnh vực Lao động-Thương binh và Xã hội: Trễ hạn 08; từ chối giải quyết 215 hồ sơ do không đủ điều kiện giải quyết.

+ Từ chối giải quyết trên phần mềm (nộp hồ sơ trực tuyến) 215 hồ sơ. Lý do: đối tượng đã từ trần, cán bộ tiếp nhận hồ sơ chuyển sai thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ thiếu tờ khai hoặc giấy khai tử (hỗ trợ mai táng phí), hồ sơ trùng đối tượng. Thành phần hồ sơ thiếu giấy ủy quyền, giấy ủy quyền thân nhân thờ cúng liệt sĩ chưa đầy đủ.

+ Hồ sơ trễ hạn 08 hồ sơ (do phần mềm quản lý và treo trên hệ thống), cụ thể:

Stt	Mã hồ sơ	Nội dung thực hiện	Tên chủ hồ sơ	Thời gian
1	000.00.40.H20-220418-0014	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	Lê Xuân Ngây	21/4/2022
2	000.00.40.H20-210714-0003	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	Phạm Thị Nga	19/7/2021
3	000.00.40.H20-210114-0003	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	18/6/2021

4	000.00.40.H20-221212-0001	Giải quyết chế độ mai táng phí và trợ cấp một lần đối với thân nhân người có công	Trần Thị Nhựt	11/01/2023
5	000.00.40.H20-210514-0001	Giải quyết chế độ thờ cúng liệt sỹ	Phan Văn Hùng	27/7/2021
6	000.00.40.H20-210513-0022	Giải quyết chế độ mai táng phí và trợ cấp một lần đối với thân nhân người có công	Đặng Văn Tới	15/6/2021
7	000.00.40.H20-210505-0019	Giải quyết chế độ mai táng phí và trợ cấp một lần đối với thân nhân người có công	Nguyễn Thị Nghĩa	15/6/2021
8	000.00.40.H20-210420-0009	Giải quyết chế độ thờ cúng liệt sỹ	Nguyễn Hoàng Quân	21/6/2021

- Lĩnh vực Nội vụ: Trễ hạn 118; từ chối giải quyết 18 hồ sơ do không đủ điều kiện giải quyết; rút hồ sơ 22.

+ Từ chối giải quyết trên phần mềm (nộp hồ sơ trực tuyến) 18 hồ sơ.

+ Rút hồ sơ 22. Lý do: cá nhân tự rút hồ sơ.

+ Có 118 hồ sơ trễ hạn (Lý do: 01 hồ sơ thao tác chuyển nhầm nên bị treo trên phần mềm một cửa, bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Công chức Văn phòng HĐND&UBND huyện; có 117 hồ sơ, do công chức mới thực hiện trên phần mềm một cửa nên việc thao tác chuyển thụ lý chưa kịp thời, ông Võ Minh Dương, Phòng Nội vụ; năm 2021 là năm đầu tiên thực hiện hồ sơ trực tuyến nên công chức thực hiện còn lúng túng, Phòng Nội vụ huyện đã họp kiểm điểm ông Võ Minh Dương).

- Lĩnh vực Tài chính - kế hoạch: Trễ hạn 16; từ chối giải quyết 05 hồ sơ do không đủ điều kiện giải quyết; rút hồ sơ 14.

+ Có 16 hồ sơ trễ hạn trên phần mềm (do phần mềm một cửa chưa được cấu hình đúng thời gian theo Quyết định số 226/QĐ-UBND-HC ngày 08/3/2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp quyết định ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh và đăng ký thuế tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện là 05 ngày mà chỉ tối đa là 03 ngày nên kết quả trên phần mềm một cửa bị trễ hồ sơ. Lỗi do người đăng ký thành lập hộ cá thể trước đây đã có thành lập Công ty và chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế của Công ty nên hệ thống Tổng Cục thuế không trả kết quả cho người đăng ký kinh doanh hộ cá thể mà yêu cầu phải đến cơ quan Thuế liên quan để hoàn thành thủ tục cũ mới được cấp mã số thuế kinh doanh hộ cá thể cho người đăng ký).

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện có kiến nghị về Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh trong Hội nghị tập huấn công tác một cửa, một cửa liên thông năm 2021 về việc cập nhật thời gian nhận hồ sơ theo Quyết định 226/QĐ-UBND-HC, đề nghị cập nhật thời gian nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh tại bộ phận một cửa huyện là 05 ngày như quy định và tiếp tục kiến nghị trực tiếp với Văn phòng UBND tỉnh. Ngày 01/11/2023 đến nay, đã được tỉnh cập nhật thời gian nhận và trả kết quả từ 03 ngày lên thành 05 ngày đối với hồ sơ lĩnh vực Đăng ký thành lập hộ kinh doanh trên phần mềm.

+ Số hồ sơ từ chối giải quyết: 05 hồ sơ có văn bản, trong đó gồm có:

02 hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh: Bà **Nguyễn Thị Thuận**, lý do trả hồ sơ: Trước đây bà đã đăng ký kinh doanh và được cấp giấy chứng nhận số 51G8003242 ngày 28/4/2009. Theo Khoản 2, Điều 80 Nghị định 01/2021/NĐ-CP là "Cá nhân, thành viên hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều này chỉ được đăng ký một hộ kinh doanh trong phạm vi toàn quốc". Ông **Châu Hữu Thiện**, lý do trả hồ sơ, Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh quán NET, nhưng khi khảo sát thì ông chưa có hoàn thiện văn phòng cũng như bố trí chuẩn bị phòng máy đúng yêu cầu của dịch vụ Internet công cộng.

03 hồ sơ đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung kinh doanh: Ông Phạm Hồng Hưởng, lý do trả hồ sơ: Trước đây ông đã đăng ký kinh doanh và được cấp tổng cộng là 03 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nên tạm giữ giấy kinh doanh hiện tại không giải quyết cấp thay đổi bổ sung như yêu cầu và thu hồi chỉ để lại 01 giấy kinh doanh hoạt động đúng theo Nghị định 01/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Bà **Nguyễn Thị Thúy Kiều,** lý do trả hồ sơ: Do tên hộ kinh doanh đăng ký là "TỔ HỢP TÁC ĐA DỊCH VỤ MỸ ĐÔNG" đã sử dụng cụm từ trùng với loại hình kinh doanh là "Tổ hợp tác" có quy định cụ thể riêng để hoạt động. Căn cứ theo khoản 3, Điều 88 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp thì: "*3. Hộ kinh doanh không được sử dụng các cụm từ " công ty", "doanh nghiệp" hoặc cụm từ gây nhầm lẫn để đặt tên hộ kinh doanh."* Ông **Nguyễn Nhật Anh,** lý do trả hồ sơ: không đủ điều kiện bắt buộc về an ninh, trật tự đối với kinh doanh dịch vụ cầm đồ theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện "*Người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ phải là người có hộ khẩu thường trú ít nhất 05 năm tại xã, phường, thị trấn nơi đăng ký đặt địa điểm hoạt động kinh doanh và trong thời gian 05 năm liền kề trước thời điểm đăng ký kinh doanh không bị cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi"*

+ Người dân xin rút lại hồ sơ đã nộp: 14 hồ sơ, người dân làm đơn xin hồ sơ tại bộ phận một cửa và tự rút trực tuyến trên phần mềm.

- Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường: Trễ hạn 100; từ chối giải quyết 247 hồ sơ.

+ Số hồ sơ từ chối giải quyết lĩnh vực đất đai có văn bản: 232 hồ sơ (*Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu:* Từ chối giải quyết 177 hồ

sơ; trong đó: 171 hồ sơ từ chối giải quyết có văn bản từ chối theo quy định, 06 hồ sơ từ chối giải quyết có đơn xin rút hồ sơ của người dân. *Hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất:* Từ chối giải quyết 50 hồ sơ; trong đó: 46 hồ sơ từ chối giải quyết có văn bản từ chối theo quy định, 04 hồ sơ từ chối giải quyết có đơn xin rút hồ sơ của người dân. *Hồ sơ giao đất:* Từ chối giải quyết 05 hồ sơ; trong đó: 04 hồ sơ từ chối giải quyết có văn bản từ chối theo quy định, 01 hồ sơ do hạ nhằm trên phần mềm đã giải quyết xong, có Giấy chứng nhận, cụ thể:

Lý do từ chối giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và người thực hiện hồ sơ, tổng số 171 hồ sơ, cụ thể như sau:

12 hồ sơ: Đối chiếu thông tin thửa đất đăng ký với bản đồ 299, sổ mục kê có tên người khác (04 hồ sơ); Người dân chưa mời được chủ sử dụng đất giáp ranh (06 hồ sơ); UBND cấp xã chưa liên hệ được chủ sử dụng đất để xác minh nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất (01 hồ sơ); hồ sơ không đủ điều kiện đăng ký cấp giấy lần đầu (01 hồ sơ). Người thực hiện: Viên chức Đặng Chí Phương, Tổ Kỹ Thuật - Địa chính Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

03 hồ sơ: Chưa mời được chủ sử dụng đất giáp ranh (02 hồ sơ); Đất đã được cấp giấy cho người đăng ký (01 hồ sơ). Người thực hiện: Viên chức Nguyễn Phúc Tâm, Tổ Kỹ Thuật - Địa chính Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

17 hồ sơ: Đối chiếu thông tin thửa đất đăng ký với bản đồ 299, sổ mục kê có tên người khác (03 hồ sơ); người dân chưa mời được chủ sử dụng đất giáp ranh (01 hồ sơ); trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-TTg (12 hồ sơ); do GCN đã được cấp đổi bao trùm phần diện tích đăng ký cấp giấy (01 hồ sơ). Người thực hiện: Viên chức Trần Hoàng Ân, Tổ Kỹ Thuật - Địa chính Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

62 hồ sơ: Đối chiếu thông tin thửa đất đăng ký với bản đồ 299, sổ mục kê có tên người khác, hướng dẫn về UBND cấp xã và các đơn vị liên quan để bổ sung xác nhận hoàn chỉnh hồ sơ (32 hồ sơ); trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-TTg (13 hồ sơ); sai thông tin xác nhận tại mẫu 04a/ĐK và sai thông tin một số thành phần hồ sơ (13 hồ sơ); thửa đất đăng ký cấp giấy đã được cấp cho người đăng ký (02 hồ sơ); hướng dẫn người dân liên hệ phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thực hiện thủ tục thu hồi giấy (01 hồ sơ); không đủ điều kiện cấp giấy (01 hồ sơ). Người thực hiện: Viên chức Phạm Thị Diễm, Tổ Đăng ký cấp giấy chứng nhận - Thông tin lưu trữ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

15 hồ sơ: Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-TTg (11 hồ sơ); Người dân chưa mời được chủ sử dụng đất giáp ranh (03 hồ sơ); Hồ sơ không đủ điều kiện đăng ký cấp giấy lần đầu (01 hồ sơ). Người thực hiện: Viên chức Thái Bình Dương, Tổ Kỹ Thuật - Địa chính Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

16 hồ sơ: Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-TTg (11 hồ sơ); Người dân chưa mời được chủ sử dụng đất giáp ranh và không

liên hệ được chủ sử dụng đất (05 hồ sơ). Người thực hiện: Trần Văn Hậu, viên chức Tổ Kỹ Thuật - Địa chính Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

13 hồ sơ: Đối chiếu thông tin thửa đất đăng ký với bản đồ 299, sổ mục kê có tên người khác, hướng dẫn về UBND cấp xã xác nhận lại nguồn gốc đất (10 hồ sơ); Người dân chưa mời được chủ sử dụng đất giáp ranh, chủ sử đất không có mặt khi tiến hành đo đạc (02 hồ sơ); Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-TTg (01 hồ sơ). Người thực hiện: Thái Văn Liêm, viên chức Tổ Kỹ Thuật - Địa chính Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

27 hồ sơ: Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-TTg (13 hồ sơ); Người dân chưa mời được chủ sử dụng đất giáp ranh, phát sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện hồ sơ (14 hồ sơ). Người thực hiện: Ngô Hửu Phúc, viên chức Tổ Kỹ Thuật - Địa chính Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

01 hồ sơ, do không đúng thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Người thực hiện: Tạ Thị Kim Loan, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Văn bản trả hồ sơ của UBND xã Trường Xuân (01 hồ sơ).

Văn bản trả hồ sơ của UBND thị trấn (02 hồ sơ).

Văn bản trả hồ sơ của UBND xã Hưng Thạnh (02 hồ sơ).

Lý do từ chối giải quyết hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất và người thực hiện hồ sơ: 46 hồ sơ, tổng số 46 hồ sơ, cụ thể như sau:

14 hồ sơ: Do không phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất đã được UBND Tỉnh phê duyệt. Người thực hiện: Tạ Thị Kim Loan, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện.

05 hồ sơ: Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-TTg (01 hồ sơ); Diện tích trên GCN không đúng với hiện trạng sử dụng do xác định lại ranh đất (01 hồ sơ); Hồ sơ xin tách thửa không đủ điều kiện theo quy định của Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND của UBND Tỉnh (02 hồ sơ); Chủ sử dụng đất xin rút hồ sơ (01 hồ sơ). Người thực hiện: Ngô Hửu Phúc, viên chức Tổ Kỹ Thuật - Địa chính Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

02 hồ sơ: Không xác định được ranh đất với các hộ giáp ranh. Người thực hiện: Đặng Chí Phương, viên chức Tổ Kỹ Thuật - Địa chính Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

01 hồ sơ: Chưa xác định được chỉ giới quy hoạch giao thông giữa dự án Đầu tư Xây dựng tuyến N2 (đoạn Củ Chi - Đức Hòa và Thạnh Hóa - Mỹ An) với công trình Mở rộng nút giao và đường kết nối ĐT 845 với tuyến N2. Người thực hiện: Nguyễn Phúc Tâm, viên chức Tổ Kỹ Thuật - Địa chính Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

01 hồ sơ: Chủ sử dụng đất chưa thống nhất vị trí tách thửa và chuyển mục đích với người nhận chuyển nhượng. Người thực hiện: Thái Văn Liêm, viên chức Tổ Kỹ Thuật - Địa chính Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

04 hồ sơ: Chủ sử dụng đất chưa xác định được vị trí tách thửa và chuyển mục đích (01 hồ sơ); Chủ sử dụng đất xin rút hồ sơ (01 hồ sơ); Chưa xác định được chỉ giới qui hoạch giao thông, cần phải xin ý kiến Sở Giao thông Vận tải (01 hồ sơ); Hồ sơ xin tách thửa không đủ điều kiện theo quy định của Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND của UBND Tỉnh (01 hồ sơ). Người thực hiện: Trần Hoàng Ân, viên chức Tổ Kỹ Thuật - Địa chính Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

15 hồ sơ: Hồ sơ xin tách thửa không đủ điều kiện theo quy định của Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND của UBND Tỉnh (04 hồ sơ); Chủ sử dụng đất xin rút hồ sơ (04 hồ sơ); Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-TTg (01 hồ sơ); Vị trí đo đạc chuyển mục đích nằm trên thửa khác so với thửa đất đăng ký (01 hồ sơ); Chưa xác định được vị trí tách thửa (02 hồ sơ); Kích thước thửa đất thực tế không đúng so với giấy chứng nhận (01 hồ sơ); Chưa xác định được chỉ giới ATGT nhánh rẽ N2 (02 hồ sơ). Người thực hiện: Trần Văn Hậu, viên chức Tổ Kỹ Thuật - Địa chính Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

04 hồ sơ: Hồ sơ xin tách thửa không đủ điều kiện theo quy định của Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND của UBND Tỉnh (02 hồ sơ); Chủ sử dụng đất không mời được hộ giáp ranh (01 hồ sơ); Diện tích, kích thước thửa đất hiện trạng sai so với giấy chứng nhận được cấp nên phải đo đạc sửa sai diện tích đúng với thực tế (01 hồ sơ). Người thực hiện: Thái Bình Dương, viên chức Tổ Kỹ Thuật - Địa chính Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Lý do từ chối giải quyết hồ sơ giao đất và người thực hiện hồ sơ, tổng số 04 hồ sơ, cụ thể như sau: Do còn nợ tiền sử dụng đất (01 hồ sơ); Mẫu tờ khai tiền sử dụng đất không đúng quy định (01 hồ sơ); Tờ khai tiền sử dụng đất chưa kê khai giá trị trong và ngoài hạn mức (01 hồ sơ); Liên hệ Phòng TNMT để điều chỉnh Quyết định (01 hồ sơ). Người thực hiện: Phạm Thị Diễm, viên chức Tổ Đăng ký cấp giấy chứng nhận - Thông tin lưu trữ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Về lĩnh vực môi trường: Tổng cộng có 15 hồ sơ có văn bản từ chối giải quyết theo quy định. Cụ thể như sau: 01 hồ sơ không thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện; 14 hồ sơ chưa đạt theo yêu cầu về nội dung biểu mẫu báo cáo được hướng dẫn tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Người thực hiện: Nguyễn Văn Linh, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện.

+ Tổng số hồ sơ trễ hẹn trên phần mềm 100 hồ sơ, cụ thể như sau: Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu trễ 47 hồ sơ, Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp trễ 02 hồ sơ, Đính chính giấy chứng nhận đã cấp trễ 02 hồ sơ, Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất: trễ 28 hồ sơ, Thủ tục giao đất: trễ 21 hồ sơ. (Trong đó *78 hồ sơ do quy trình nội bộ trên phần mềm không cấu hình chia 02 giai đoạn; 18 hồ sơ: do do quy trình nội bộ trên phần mềm không cấu hình chia 02 giai đoạn và không có loại*

hồ sơ ghép; 04 hồ sơ: do phần mềm không có hồ sơ ghép trong khi thủ tục hành chính phải làm hồ sơ ghép mới thực hiện được hồ sơ cho người dân).

- Lĩnh vực Tư pháp: Từ chối giải quyết 81 hồ sơ do không đủ điều kiện giải quyết.

+ Từ chối giải quyết trên phần mềm (trực tuyến) 22 hồ sơ.

+ Số hồ sơ từ chối giải quyết có văn bản: 59 hồ sơ. Lý do từ chối tiếp nhận: Nhân viên bưu điện tiếp nhận hồ sơ trong đó giấy tờ kèm theo hồ sơ chưa đủ điều kiện xem xét giải quyết; một công dân có hai hoặc nhiều Giấy khai sinh, giấy kết hôn, ... (nhân viên tiếp nhận Bộ phận Một cửa huyện là bà Trần Thị Bích Qui, công chức chuyên môn Phòng Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân huyện và Phòng Tư pháp giải quyết hồ sơ là ông Nguyễn Trọng Hữu).

- Lĩnh vực Y tế: Từ chối giải quyết hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trực tiếp trên phần mềm 11. Lý do từ chối giải quyết: hồ sơ kinh doanh sai địa điểm so với thông tin trên giấy phép kinh doanh. Viên chức thực hiện Nguyễn Văn Huy.

- Lĩnh vực Văn hóa và Thông tin: Từ chối giải quyết do hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết 15 hồ sơ.

+ Từ chối giải quyết trên phần mềm do không đủ điều kiện giải quyết: 10 hồ sơ.

+ Số hồ sơ từ chối giải quyết có văn bản: 05 hồ sơ. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở: Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke 01 hồ sơ do chưa đạt điều kiện kinh doanh (công chức thực hiện là ông Nguyễn Minh Tân); Lĩnh vực gia đình: Ấp văn hóa nông thôn mới, Khóm văn minh đô thị 01 năm có 04 hồ sơ do không đạt các tiêu chí (công chức thực hiện là bà Ngô Ngọc Nhu).

- Lĩnh vực Nông nghiệp (kiểm lâm): Từ chối giải quyết trên phần mềm (trực tuyến) 03 hồ sơ.

2.1.2. Cấp xã: Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 90.282 hồ sơ, số tiếp nhận trước 15/6/2021 chuyển qua: 582 hồ sơ, số tiếp nhận trong kỳ: 89.700 hồ sơ; tổng số hồ sơ đã giải quyết là 88.698 hồ sơ, trong đó giải quyết trước hạn là 78.282 hồ sơ, đúng hạn là 9.435 hồ sơ, trễ hạn là 981 hồ sơ; hồ sơ đang giải quyết là 246 hồ sơ, trong hạn là 241 hồ sơ, quá hạn là 05 hồ sơ trên phần mềm; số hồ sơ từ chối giải quyết, rút hồ sơ là 1.338 hồ sơ (hồ sơ trễ hạn trên phần mềm năm 2021 là 454 hồ sơ, năm 2022 là 466 hồ sơ, năm 2023 là 61 hồ sơ, các hồ sơ trễ hạn chủ yếu trên phần mềm năm 2021, do bước đầu thực hiện trên phần mềm mới nên cũng còn lỗi trên phần mềm, cán bộ, công chức, viên chức chưa nắm hết thao tác trên phần mềm nên xử lý chuyển hồ sơ trên phần mềm chưa tốt dẫn đến treo hồ sơ hoặc quá hạn thời gian giải quyết; hồ sơ giấy trả thực tế không trễ).

- Kết quả việc thực hiện trách nhiệm công vụ của công chức, viên chức trong việc giải quyết TTHC: Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị đã quan tâm quán triệt và triển khai đầy đủ các quy định về đạo đức, văn hóa công sở, kỷ luật, kỷ cương hành chính; tự tổ chức việc kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính kết hợp

với kiểm tra cải cách hành chính nội bộ để phát hiện và chấn chỉnh kịp thời đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm. Cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị có thái độ giao tiếp lịch sự, ngôn ngữ giao tiếp lịch sự, nhẹ nhàng, tận tình tư vấn, giải đáp thắc mắc cho tổ chức, công dân trong quá trình tiếp nhận hồ sơ. Việc thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được các cơ quan, đơn vị quan tâm, triển khai thực hiện theo quy định, nhiều hạn chế, thiếu sót đã được các đơn vị rút kinh nghiệm và có biện pháp cụ thể để khắc phục.

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành các văn bản kiến nghị Sở Thông tin và Truyền thông hạ hồ sơ trễ hạn trên phần mềm: Công văn số 750/UBND-NV ngày 03/02/2023 về việc đề nghị hạ các hồ sơ trễ hạn, quá hạn treo trên Cổng dịch vụ công quốc gia (3.523 hồ sơ); Công văn số 1098/UBND-NV ngày 17/02/2023 về việc đề nghị hạ các hồ sơ trễ hạn, quá hạn treo trên Cổng dịch vụ công quốc gia (1.267 hồ sơ); Công văn số 2644/UBND-NV ngày 12/4/2023 về việc đề nghị hạ các hồ sơ trễ hạn, quá hạn trên hệ thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (777 hồ sơ); Công văn số 9116/UBND-NV ngày 22/12/2023 về việc đề nghị hỗ trợ cập đồng bộ lại các hồ sơ trễ hạn, quá hạn trên Cổng dịch vụ công quốc gia (86 hồ sơ).

2.2. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị:

Việc tuân thủ quy định trong việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định và hành vi hành chính: Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh của tổ chức, cá nhân về quy định, thủ tục hành chính được quan tâm thực hiện, hiện nay để tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân, Bộ phận Một cửa huyện đã thực hiện niêm yết số điện thoại của Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, đặt hộp thư góp ý, tiếp nhận phản ánh qua Cổng dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ https://pakn.dichvucong.gov.vn/, huyện tiếp nhận và trả lời kịp thời các phản ánh qua Tổng đài 1022. Hầu hết các vướng mắc của người dân khi thực hiện thủ tục hành chính đã được công chức, viên chức trực tiếp giải quyết TTHC giải thích và hướng dẫn cụ thể. Từ ngày 15/6/2021 đến ngày 30/11/2023, tiếp nhận 232 phản ánh, kiến nghị qua Tổng đài 1022, các phản ánh, kiến nghị được xử lý kịp thời, không có trường hợp trễ hạn. Mức độ 1 có 4 phản ánh, kiến nghị, tỷ lệ hài lòng đạt 100%; mức độ 2 có 169 phản ánh, kiến nghị, tỷ lệ hài lòng đạt 100%; mức độ 3 có 59 phản ánh, kiến nghị, tỷ lệ hài lòng đạt 100%.

Việc tuân thủ quy định trong việc kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định kinh doanh theo mục IX Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08/7/2023 của Chính phủ: Từ khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 97/NQ-CP, đến nay trên địa bàn huyện chưa có phản ánh, kiến nghị TTHC về lĩnh vực kinh doanh.

2.3. Tổng số tiền đã thu trong việc cung cấp TTHC

Cấp huyện:

- Tổng thu: 342.911.500 đồng, cụ thể:

+ Thu phí Đăng ký kinh doanh: 98.765.000 đồng.

+ Phí chứng thực: 14.553.000 đồng.

+ Lệ phí hộ tịch: 114.333.500 đồng.

+ Cấp giấy phép môi trường: 31.500.000 đồng

+ Cấp phép kinh doanh Karaoke: 9.000.000 đồng.

+ Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 74.760.000 đồng.

- Tổng chi (nộp ngân sách): 290.579.500 đồng, cụ thể:

+ Phí Đăng ký kinh doanh: 98.765.000 đồng.

+ Phí chứng thực: 14.553.000 đồng.

+ Lệ phí hộ tịch: 114.333.500 đồng.

+ Cấp giấy phép môi trường: 31.500.000 đồng.

+ Cấp phép kinh doanh Karaoke: 9.000.000 đồng.

+ Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (nộp vào ngân sách nhà nước 30%): 22.428.000 đồng.

- Số còn lại đến thời điểm báo cáo: Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 52.332.000 đồng.

Cấp xã:

Tổng thu: 2.420.000.000 đồng, cụ thể:

+ Chứng thực: 1.482.182.000 đồng

+ Hộ tịch: 937.818.000 đồng

- Tổng chi (nộp ngân sách): 2.420.000.000 đồng, cụ thể:

+ Chứng thực: 1.482.182.000 đồng

+ Hộ tịch: 937.818.000 đồng

3. Việc cung cấp DVHCC

- UBND huyện đã triển khai cung cấp các dịch vụ công: dịch vụ công trực tuyến đối với việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC, dịch vụ bưu chính công ích, thu phí, lệ phí trực tuyến.

- Về kết quả đạt được qua việc cung cấp dịch vụ công: Dịch vụ công trực tuyến: Cấp huyện tiếp nhận 6.510/10.682 hồ sơ, đạt 60,94%; cấp xã đã tiếp nhận 40.012/87.480 hồ sơ đạt 45,73%.

- Tổng số tiền đã thu, chi trong việc cung cấp DVHCC trong kỳ báo cáo: theo 2.3 của nội dung số 2 ở trên.

Ngoài ra, UBND huyện thực hiện Hợp đồng thực hiện chuyển giao các nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công qua Bưu điện huyện Tháp Mười, số tiền:

620.699.313 đồng (Trong đó: 6 tháng cuối năm 2021, số tiền: 104.070.000 đồng; năm 2022, số tiền: 208.140.000 đồng; 11 tháng đầu năm 2023, số tiền: 308.489.313 đồng) *(có phụ lục kèm theo)*.

- Việc thanh toán, quyết toán theo quy định pháp luật.

III. NHẬN XÉT, KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Những kết quả đạt được

Qua công tác triển khai, quán triệt đối với việc tăng cường trách nhiệm của công chức, viên chức trong giải quyết TTHC đã phát huy tính trách nhiệm, chủ động trong xử lý công việc của công chức, viên chức, bảo đảm tính kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành trong thực thi công vụ góp phần nâng cao sự hài của tổ chức và cá nhân trong thực hiện TTHC, qua đó nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác cải cách hành chính của huyện. Công tác đối thoại, tư vấn, hướng dẫn, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp nhận phản ánh kiến nghị trong giải quyết TTHC được chú trọng thực hiện đã góp phần tạo sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ban hành đáp ứng đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Công tác theo dõi, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên, qua đó đã kịp thời xử lý những văn bản hết hiệu lực, văn bản trái quy định.

2. Khó khăn

Số lượng hồ sơ tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa, nhất là cấp xã phát sinh số lượng lớn, tuy nhiên đối với cấp xã chỉ có 01 công chức phụ trách tiếp nhận và trả kết quả, do đó có lúc ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả trong công tác;

Việc cập nhật thủ tục hành chính, biểu mẫu và quy trình nội bộ của một số sở khi có thay đổi lên hệ thống Một cửa và Dịch vụ công có lúc chưa kịp thời, đầy đủ;

Đối với các thủ tục hành chính về đất đai, hiện tại không có các "thủ tục ghép" trong khi đó để giải quyết hồ sơ thuận tiện, hoàn chỉnh cho người dân thì cần phải thực hiện ít nhất 02 loại thủ tục cùng lúc nên không đủ thời gian thực hiện, gây trễ hạn.

Kết quả "Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công" trên Cổng dịch vụ công quốc gia thường xuyên thay đổi không rõ lý do; dịch vụ đăng ký, đăng nhập và thanh toán trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia thỉnh thoảng bị chậm, không sử dụng được.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh ban hành bổ sung một số thủ tục hành chính "ghép" phổ biến cho lĩnh vực đất đai nhằm tạo điều kiện phục vụ người dân được thuận tiện hơn.

Các sở, ngành trong việc xây dựng quy trình nội bộ để giải quyết các thủ

tục hành chính cần phân bổ thời gian hợp lý, đủ để công chức thực hiện vì chỉ trễ tại 1, 2 bước xử lý, khi đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia sẽ bị tính thấp điểm, dù tổng thời gian giải quyết không trễ hẹn với người dân.

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh tiếp tục tổ chức tập huấn cho CBCCVC cấp huyện, cấp xã, nhân viên bưu điện thực hiện TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Đồng Tháp, Cổng dịch vụ Công quốc gia.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công vụ của cán bộ, công chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Các cơ quan chuyên môn huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVPHĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT, NCNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI T. ĐỒNG THÁP

Đoàn Thanh Bình